TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 30/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 357/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX- ST ngày 28/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh **Trần Văn Th**, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn H, xã S, huyện M, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2017, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh Th được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân,

hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/12/2015. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dậy con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng vui vẻ bình thường. Tuy nhiên khoảng hai năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung và việc nuôi dậy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn căng thẳng nên nhiều tháng nay hai bên sống ly thân, chị L cùng con gái đã bỏ về quê tại xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sinh sống làm ăn, còn anh Th cư trú làm ăn tại xã H, huyện M; hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa; Nay chị L thấy vợ chồng không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh Th để mỗi bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/6/2017. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân chị L và cháu H sống cùng nhau tại ã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Chị L chăm lo cho con chung ăn ở đầy đủ bằng bạn bè cùng trang lứa. Nay, vợ chồng ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cháu H vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và bản thân anh Th nhiều tháng qua không chăm lo gì về kinh tế và tình cảm cho con chung. Chị được bố mẹ đẻ tạo điều kiện có chỗ ở ổn định cho mẹ con chị sau ly hôn, chị có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi con nên không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Hiện chị L, anh Th không có gì tranh chấp phải giải quyết trong vụ án;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành thủ tục giao cho anh Th thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải của Tòa án nhưng anh Th đều không chấp hành việc có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Theo trình bày của bà Dương Thị Ng là mẹ đẻ của anh Th xác định anh Th đều đã nhận được các tài liệu nêu trên của Tòa án, nhưng do anh Th bận đi làm ăn nên không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Th được. Anh Th đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, anh Th không có ý kiến gì về việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã H phản ánh nội dung: Chị L và anh Th làm thủ tục kết hôn tại địa phương vào ngày 16/12/2015. Hai bên hiện sống ly thân, chị L đang cư trú làm ăn tại huyện K, tỉnh Hải Dương, còn anh Th đang cư trú làm ăn tại xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn là đúng thực tế; thời gian chung sống cùng nhau vợ chồng chị L, anh Th sống không được hòa thuận hạnh phúc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị L được ly hôn anh Th; Về con chung, xử giao cho chị L được quyền nuôi con là Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/6/2017; Chấp nhận việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho chị L đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình của vợ chồng: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt, anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L và anh Th được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/12/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh Th đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị L là đúng thẩm quyền.

[2]Căn cứ đơn và yêu cầu của chị L xin ly hôn và giao nuôi con chung thì thấy: Qua lời khai của đương sự trình bày tại Toà án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình anh Th, chị L và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị L, anh Th nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dậy con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nhiều tháng nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh Th mặc dù đã nhận được thông báo phiên hòa giải nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh Th cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị L, anh Th đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Th là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị L, anh Th có con chung là Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/6/2017. Thực tế từ khi sinh ra đến nay cháu H đều ở cùng chị L, cháu được chăm lo nuôi dưỡng đảm bảo, chị L và cháu H được bố mẹ đẻ của chị L tạo điều kiện cho có chỗ ở ổn định, cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi cho con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị L được quyền nuôi cháu H là phù hợp thực tế, đúng pháp luật; Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hiện chị L tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cho chị L hàng tháng đến khi con chung trưởng thành; Xét đây là sự tự nguyện của chị L và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận theo quy định.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị L không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn anh Th không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm để nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Th không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn Th;

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được nuôi con là Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/6/2017;

Chấp nhận việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh Th hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001285 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Toà án báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Kinh Môn;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;*
- *Lưu hồ sơ, V.P*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Anh Tuyết